

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

Số: 172/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 13 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công bố, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và đề xuất của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc công bố Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Trưởng BQL Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lưu VT-NC₂ *lab*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Xuân Lâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND, ngày 13/3/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (45 thủ tục):

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|---------------------------------------|---|
| I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: 22 THỦ TỤC | |
| 01 | Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh <i>(đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</i> |
| 02 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ <i>(đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</i> |
| 03 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội <i>(đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)</i> |
| 04 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 05 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư |
| 06 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và đã có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền. |
| 07 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 08 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư <i>(đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)</i> |
| 09 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài |
| 14 | Cấp lại, Hiệu đính thông tin, Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| 15 | Giãn tiến độ đầu tư |

| | |
|---|---|
| 16 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư |
| 17 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư |
| 18 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC |
| 19 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC |
| 20 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương |
| 21 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư |
| 22 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư |
| II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG: 07 THỦ TỤC. | |
| 01 | Cấp Giấy phép xây dựng mới (<i>đối với công trình không theo tuyến</i>). |
| 02 | Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án. |
| 03 | Cấp Giấy phép xây dựng (<i>đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình</i>). |
| 04 | Cấp Giấy phép xây dựng (<i>đối với trường hợp di dời công trình</i>). |
| 05 | Điều chỉnh Giấy phép xây dựng. |
| 06 | Gia hạn Giấy phép xây dựng. |
| 07 | Cấp lại Giấy phép xây dựng. |
| III. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, MÔI TRƯỜNG: 05 THỦ TỤC. | |
| 01 | Giao đất, cho thuê đất (<i>không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>). |
| 02 | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (<i>áp dụng trường hợp ủy quyền theo khoản 4, Điều 32-Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT</i>). |
| 03 | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (<i>áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 4, Điều 32-Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT</i>). |
| 04 | Đăng ký xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (<i>áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 1, Điều 12-Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường</i>). |
| 05 | Đăng ký xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (<i>áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 2, Điều 12-Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường</i>). |
| IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG MẠI: 11 THỦ TỤC. | |
| 01 | Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. |
| 02 | Tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể của các danh nghiệp trong khu công nghiệp. |
| 03 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động làm việc ở nước ngoài thời hạn dưới 90 ngày. |
| 04 | Cấp Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| 05 | Cấp lại Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| 06 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| 07 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – Mẫu D. |
| 08 | Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt |

| | |
|----|--|
| | Nam. |
| 09 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. |
| 10 | Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam |
| 11 | Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam |

2. Danh mục thủ tục hành chính bị thay thế, hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Kon Tum (20 thủ tục):

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy định việc thay thế, hủy bỏ |
|---------------------------------------|---------------|--|--|
| I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: 14 Thủ tục | | | |
| 01 | | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư <i>(đối với dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên; thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo Điều 29 Luật đầu tư năm 2005 và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư)</i> | Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành. |
| 02 | | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện đăng ký <i>(có quy mô vốn dưới 300 tỷ đồng Việt Nam; không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).</i> | |
| 03 | | Thủ tục đăng ký đầu tư <i>(đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng; không đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).</i> | |
| 04 | | Thủ tục đăng ký dự án đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư <i>(đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).</i> | |
| 05 | | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện thẩm tra <i>(đối với dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên; không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo Điều 29 Luật đầu tư năm 2005 và không thuộc diện do Thủ tướng Chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư).</i> | |

| | | |
|--|---|--|
| 06 | Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với dự án đầu tư có quy mô vốn dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện). | |
| 07 | Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư theo điểm a, Khoản 1, Điều 52, Nghị định 108/2006/NĐ-CP (đối với dự án đầu tư trong nước) | |
| 08 | Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài). | |
| 09 | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 52 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP). | |
| 10 | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư. | |
| 11 | Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư mà sau khi điều chỉnh, dự án đó thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. | |
| 12 | Thủ tục chuyển nhượng dự án trong khu công nghiệp, Khu kinh tế (trừ các dự án: khu đô thị mới, khu nhà ở, hạ tầng khu công nghiệp). | |
| 13 | Thủ tục tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư. | |
| 14 | Thủ tục thanh lý dự án đầu tư. | |
| II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - XÂY DỰNG: 04 thủ tục | | |
| 01 | Thủ tục giới thiệu địa điểm đầu tư. | |
| 02 | Thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch (đối với khu vực đã có QHCT xây dựng 1/500 được duyệt). | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành. |
| 03 | Thủ tục tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm B, nhóm C. | |
| 04 | Thủ tục thoả thuận kiến trúc quy hoạch (đối với khu vực chưa có QHCT xây dựng 1/500 được duyệt). | |
| III. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI: 02 thủ tục | | |
| 01 | Thủ tục giao lại đất trong Khu kinh tế (đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao cho BQL). | Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành. |
| 02 | Thủ tục cho thuê đất trong Khu kinh tế (đối với quỹ đất đã được UBND tỉnh giao cho BQL). | |

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

01. Tên thủ tục hành chính: *Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)*

| | |
|-----------------------------------|---|
| Trình tự thực hiện | <p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu I-Khu KTCKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc số 145 Ure, Thành phố Kon Tum. - Thời gian: Từ 7h00' -11h00' và 13h00' -17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết). <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| Cách thức thực hiện | Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích. |
| Thành phần, số lượng hồ sơ | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu I.1</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu I.2</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; báo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ, trong đó có 02 bộ gốc</p> |
| Thời hạn giải quyết | <p>Trong 15 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, các đơn vị được lấy ý kiến phải có ý kiến thẩm định về những nội dung |

| | |
|-----------------------------|---|
| | <p>thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh (<i>áp dụng đối với các dự án phù hợp với quy hoạch và không có vướng mắc</i>). Các trường hợp còn lại các đơn vị phải có ý kiến gửi về Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh trong vòng 07 ngày làm việc. Quá thời gian quy định trên mà các đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến trả lời hoặc không có lý do, phản ánh vướng mắc thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các ngành, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức, cá nhân |
| Cơ quan thực hiện | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh Kon Tum</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan</p> |
| Kết quả | Quyết định chủ trương hoặc Văn bản thông báo của UBND tỉnh. |
| Lệ phí | Không |
| Tên mẫu đơn, tờ khai | <p>- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>)</p> <p>- Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>)</p> |
| Yêu cầu, điều kiện | <p>+ Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;</p> <p>+ Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);</p> <p>+ Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;</p> <p>+ Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);</p> <p>+ Căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>+ Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư: Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.</p> |
| Căn cứ pháp lý | <p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ KHĐT;</p> |

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp: ..
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:
Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

| STT | Tên nhà đầu tư nước ngoài | Quốc tịch | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|-----------|------------|-----------------|-----------|
| | | | VND | Tương đương USD | |
| | | | | | |

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh:..... Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|
| | | VNĐ | Tương đương USD | |
| | | | | |

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu 1.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC) | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|--------------------------|--|--|--|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | | |
| 2 | | | | |

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước.....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | | Tỷ lệ (%) | Phương thức góp vốn (*) | Tiến độ góp vốn |
|-----|----------------|------------|-----------------|-----------|-------------------------|-----------------|
| | | VND | Tương đương USD | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý 1)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nếu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ:

- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

02. Tên thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

| | |
|--|--|
| <p>Trình tự thực hiện</p> | <p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu I-Khu KTCKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc 145 Ure, Thành phố Kon Tum. - Thời gian: Từ 7h00'-11h00' và 13h00'-17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần(trừ ngày nghỉ lễ, tết). <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.</p> <p>Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| <p>Cách thức thực hiện</p> | <p>Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| <p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p> | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu I.1); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu I.2); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có 04 bộ gốc.</p> |
| <p>Thời hạn giải quyết</p> | <p>Trong 50 ngày làm việc, ngay sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư theo quy định, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về các nội dung được quy định của tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư (Trong đó: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và Bộ Kế hoạch và |

| | |
|-----------------------------|---|
| | <p><i>Đầu tư. Trường hợp quá thời gian quy định nếu cơ quan phối hợp thẩm định không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình), Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 33 Luật Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 33 Luật Đầu tư. Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức, cá nhân |
| Cơ quan thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan |
| Kết quả | Văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản thông báo |
| Lệ phí | Không |
| Tên mẫu đơn, tờ khai | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu I.1-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)⁽¹⁾ - Đề xuất dự án đầu tư (Mẫu I.2- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)⁽²⁾ |
| Yêu cầu, điều kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư 2014. - Đáp ứng nội dung thẩm định tại Khoản 6 Điều 33 Luật Đầu tư gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án; + Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); + Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; + Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có); + Căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; + Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư; Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. |
| Căn cứ pháp lý | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |

⁽¹⁾ Sử dụng mẫu văn bản đề nghị tại TTHC số 1, mục I-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu I.1)

⁽²⁾ Sử dụng mẫu đề xuất dự án tại TTHC số 1, mục I-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu I.2)

03. Tên thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

| | |
|--|--|
| <p>Trình tự thực hiện</p> | <p>Bước 1. Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định; nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu I-Khu KTCKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc số 145 Ure, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Từ 7h00'-11h00' và 13h00'-17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết). <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa đúng quy định thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| <p>Cách thức thực hiện</p> | <p>Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| <p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p> | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo Mẫu I.1-Phụ lục I). - Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý (đối với nhà đầu tư là tổ chức). Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu (đối với nhà đầu tư là cá nhân). - Đề xuất dự án đầu tư (theo Mẫu I.2 - Phụ lục I). - Bản sao một trong các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; + Cam kết hỗ trợ tài chính của Công ty mẹ; + Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; + Báo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; + Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất. Trường hợp dự án án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư. - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có) gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính. -Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh. - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (Nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 21 bộ hồ sơ</p> |
| <p>Thời hạn giải quyết</p> | <p>Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.</p> |
| <p>Đối tượng thực hiện</p> | <p>Tổ chức, cá nhân.</p> |
| <p>Cơ quan thực hiện</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Quốc hội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon |

| | |
|-----------------------------|--|
| | Tum - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan |
| Kết quả | Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư hoặc Văn bản không chấp thuận dự án đầu tư |
| Lệ phí | Không. |
| Tên mẫu đơn, tờ khai | - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu 1.1-Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT) ⁽³⁾ - Đề xuất dự án đầu tư (Mẫu 1.2- Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT) ⁽⁴⁾ |
| Yêu cầu, điều kiện | - Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư 2014. - Đáp ứng nội dung thẩm định tại Khoản 6 Điều 33 Luật Đầu tư gồm: + Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án; + Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); + Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; + Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có); + Căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; + Công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư: Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. - Đáp ứng đầy đủ các nội dung thẩm định tại Khoản 6 Điều 35 Luật Đầu tư gồm: + Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; + Sự cần thiết thực hiện dự án; + Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; + Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; + Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; + Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; + Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có). |
| Căn cứ pháp lý | - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/ND-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHDT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |

⁽³⁾ Sử dụng mẫu văn bản đề nghị tại TTHC số 1, mục 1-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu 1.1)

⁽⁴⁾ Sử dụng mẫu đề xuất dự án tại TTHC số 1, mục 1-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu 1.2)

04. Tên thủ tục hành chính: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

| | |
|--|---|
| <p>Trình tự thực hiện</p> | <p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Địa chỉ: Khu I-Khu KTCKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc số 145 Ure, Thành phố Kon Tum. Thời gian: Từ 7h00' -11h00' và 13h00'-17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần(trừ ngày nghỉ lễ, tết). Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| <p>Cách thức thực hiện</p> | <p>Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| <p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p> | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh(<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư); - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có). - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư); - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), gồm: + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; + Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;</p> |

| | |
|-----------------------------|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. b) Số lượng hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - 04 bộ hồ sơ đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. - 08 bộ hồ sơ đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. |
| Thời hạn giải quyết | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 26 ngày đối với đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; - Trong thời hạn 47 ngày đối với đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức, cá nhân |
| Cơ quan thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các đơn vị, địa phương có liên quan |
| Kết quả | Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (của UBND tỉnh Kon Tum hoặc Thủ tướng Chính phủ) |
| Lệ phí | Không |
| Tên mẫu đơn, tờ khai | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>Mẫu 1.6 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>) - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (<i>Mẫu 1.8- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>) |
| Yêu cầu, điều kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ nội dung thẩm định theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 34 Nghị định 118/2015/NĐ-CP đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. - Đáp ứng nội dung thẩm định theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 35 Nghị định 118/2015/NĐ-CP đối với dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có). |
| Căn cứ pháp lý | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |

Mẫu 1.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: .

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch: ...

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

| STT | Tên giấy | Số giấy/Mã số dự án | Ngày cấp | Cơ quan cấp | Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực) |
|-----|----------|---------------------|----------|-------------|------------------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/ND-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

05. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

| | |
|-----------------------------------|---|
| Trình tự thực hiện | <p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu I-Khu KTCKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc số 145 Ure, Thành phố Kon Tum. - Thời gian: Từ 7h00'-11h00' và 13h00'-17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần(trừ ngày nghỉ lễ, tết). <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| Cách thức thực hiện | Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích |
| Thành phần, số lượng hồ sơ | <p>a) Thành phần hồ sơ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu); + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu); Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho đề xuất dự án đầu tư. + Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; + Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; + Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; + Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.</p> |
| Thời hạn giải quyết | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức, cá nhân |
| Cơ quan thực hiện | Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh |
| Kết quả | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Văn bản thông báo |
| Lệ phí | Không |

| | |
|-----------------------------|--|
| Tên mẫu đơn, tờ khai | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu 1.1-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT)¹⁵⁾ - Đề xuất dự án đầu tư (đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư) (Mẫu 1.3 - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT). |
| Yêu cầu, điều kiện | <ul style="list-style-type: none"> - Có hồ sơ hợp lệ. - Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. - Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp mục tiêu dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. |
| Căn cứ pháp lý | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |

¹⁵⁾ Sử dụng mẫu văn bản đề nghị tại TTHC số 1, mục I-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu 1.1)

Mẫu I.3

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Ngày tháng ... năm...)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

| STT | Mục tiêu hoạt động | Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC) | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|--------------------------|--|--|--|
| 1 | (Ngành kinh doanh chính) | | | |
| 2 | | | | |

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

b) Vốn lưu động: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

| STT | Tên nhà đầu tư | Số vốn góp | Tỷ lệ (%) | Phương | Tiến độ |
|-----|----------------|------------|-----------|--------|---------|
|-----|----------------|------------|-----------|--------|---------|

| | | VND | Tương đương USD | | thức góp vốn (*) | góp vốn |
|--|--|-----|-----------------|--|------------------|---------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

06. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và đã có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.

| | |
|-----------------------------------|--|
| Trình tự thực hiện | <p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu I-Khu KTKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc số 145 Ure, Thành phố Kon Tum. - Thời gian: Từ 7h00'-11h00' và 13h00'-17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần(trừ ngày nghỉ lễ, tết). <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| Cách thức thực hiện | Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích |
| Thành phần, số lượng hồ sơ | <p>a. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>theo mẫu 1.1</i>); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (<i>theo mẫu 1.2</i>); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc</p> |
| Thời hạn giải quyết | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức, cá nhân. |
| Cơ quan thực hiện | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. |
| Kết quả | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư |
| Lệ phí | Không. |

| | |
|-----------------------------|---|
| Tên mẫu đơn, tờ khai | - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Mẫu 1.1-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT) ⁽⁶⁾ - Đề xuất dự án đầu tư (Mẫu 1.2- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT) ⁽⁷⁾ |
| Yêu cầu, điều kiện | - Có Hồ sơ hợp lệ; - Được cấp có thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư; |
| Căn cứ pháp lý | - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |

⁽⁶⁾ Sử dụng mẫu văn bản đề nghị tại TTHC số 1, mục I-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu 1.1)

⁽⁷⁾ Sử dụng mẫu đề xuất dự án tại TTHC số 1, mục I-Lĩnh vực Đầu tư (Mẫu 1.2)

07. Tên thủ tục: Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

| | |
|-----------------------------------|--|
| Trình tự thực hiện | <p>Bước 1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trụ sở Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu I-Khu KTCKQT Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum hoặc số 145 Ure, Thành phố Kon Tum. - Thời gian: Từ 7h00'-11h00' và 13h00'-17h00' các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần(trừ ngày nghỉ lễ, tết). <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3. Nhà đầu tư nhận kết quả tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Thời gian vào giờ hành chính của các ngày làm việc trong tuần hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích.</p> |
| Cách thức thực hiện | Giải quyết tại trụ sở cơ quan hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích. |
| Thành phần, số lượng hồ sơ | <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc</p> |
| Thời hạn giải quyết | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. |
| Đối tượng thực hiện | Tổ chức, cá nhân |
| Cơ quan thực hiện | Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh |
| Kết quả | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay thế nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương quy định nội dung đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại các Giấy này tiếp tục có hiệu lực. |
| Lệ phí | Không |
| Tên mẫu đơn, tờ khai | Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư - áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (<i>Mẫu 1.7 -Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT</i>). |
| Yêu cầu, điều kiện | Có hồ sơ hợp lệ. |
| Căn cứ pháp lý | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. |

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh-không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp: ..

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế: